



**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các
công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 44/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2001

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số** 3600495818 ngày 16 tháng 5 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là ngày 8 tháng 7 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch
Bà Trần Quế Trang	Thành viên
Ông Henry Chung	Thành viên
Ông Võ Tông Xuân	Thành viên
Ông Lê Quang Hải	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trần Quế Trang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc thường trực (từ ngày 4 tháng 11 năm 2016)
Ông Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc Tài chính (đến ngày 3 tháng 11 năm 2016)
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 11 năm 2016)

Ban Kiểm soát

Ông Lê Văn Hòa	Trưởng ban
Bà Lưu Đặng Mỹ Quỳnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Biên Hòa 1
Phường An Bình
Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 70 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Quốc Thảo
Phó Tổng Giám đốc thường trực

Tỉnh Đồng Nai, ngày 25 tháng 2 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 2 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 70.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Địa chỉ: số 16-01-1080-1




Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 2 năm 2017

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.728.958.414.326	3.746.795.399.037
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	351.226.157.886	519.674.944.557
Tiền	111		248.226.157.886	437.074.944.557
Các khoản tương đương tiền	112		103.000.000.000	82.600.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	195.000.000.000	131.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		195.000.000.000	131.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.060.691.380.779	1.622.611.542.866
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	659.223.526.180	532.514.083.594
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	590.288.875.082	500.867.125.679
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	447.450.000.000	425.300.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	381.951.976.998	182.270.312.615
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(18.222.997.481)	(18.339.979.022)
Hàng tồn kho	140	12	946.193.042.770	1.412.244.897.765
Tài sản ngắn hạn khác	150		175.847.832.891	61.264.013.849
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	154.289.971.975	28.622.898.022
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.027.208.919	31.345.134.879
Thuế phải thu Nhà nước	153	24(b)	530.651.997	1.295.980.948

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		2.299.000.869.549	2.226.192.392.980
Các khoản phải thu dài hạn	210		164.579.981.164	191.701.675.824
Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	37.403.374.418	19.747.297.824
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	117.000.000.000	165.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		10.176.606.746	6.954.378.000
Tài sản cố định	220		1.349.182.035.426	1.368.449.713.470
Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.258.187.472.077	1.284.812.433.183
<i>Nguyên giá</i>	222		1.895.618.819.610	1.851.015.238.005
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(637.431.347.533)	(566.202.804.822)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	15	65.079.837.702	63.692.309.778
<i>Nguyên giá</i>	225		69.295.190.731	65.806.692.123
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(4.215.353.029)	(2.114.382.345)
Tài sản cố định vô hình	227	16	25.914.725.647	19.944.970.509
<i>Nguyên giá</i>	228		39.420.135.403	34.357.757.765
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(13.505.409.756)	(14.412.787.256)
Bất động sản đầu tư	230	17	57.590.079.020	59.092.428.908
<i>Nguyên giá</i>	231		60.093.995.500	60.093.995.500
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(2.503.916.480)	(1.001.566.592)
Tài sản dở dang dài hạn	240		167.683.660.665	120.567.157.794
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	167.683.660.665	120.567.157.794
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	19	370.889.448.726	288.819.751.053
Đầu tư vào công ty liên kết	252		187.595.032.026	96.108.096.319
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		143.294.416.700	192.711.654.734
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		40.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		189.075.664.548	197.561.665.931
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	149.470.824.480	147.820.030.015
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	5.325.601.725	4.561.514.910
Lợi thế thương mại	269	21	34.279.238.343	45.180.121.006
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.027.959.283.875	5.972.987.792.017

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.750.112.501.892	3.832.763.699.679
Nợ ngắn hạn	310		3.124.554.142.039	3.192.388.996.268
Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	204.046.761.498	375.919.715.308
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	23	39.580.372.622	74.417.564.332
Thuế phải nộp Nhà nước	313	24(a)	29.739.584.372	14.182.472.481
Phải trả người lao động	314		13.633.043.316	42.241.938.567
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	25	63.357.522.333	43.313.667.761
Phải trả ngắn hạn khác	319	26	64.917.445.189	83.923.641.509
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	27(a)	2.670.066.666.482	2.524.684.378.266
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	28	39.212.746.227	33.705.618.044
Nợ dài hạn	330		625.558.359.853	640.374.703.411
Phải trả dài hạn khác	337		99.000.000	109.000.000
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	27(b)	621.106.979.053	635.913.322.611
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	20	3.352.380.800	3.352.380.800
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.000.000.000	1.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.277.846.781.983	2.140.224.092.338
Vốn chủ sở hữu	410	29	2.277.846.781.983	2.140.224.092.338
Vốn cổ phần	411	30	1.295.111.980.000	1.295.111.980.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		449.522.400.000	461.712.700.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		606.863.615	336.806.622
Quỹ đầu tư phát triển	418	32	193.948.608.338	164.946.980.894
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	33	25.215.725.000	-
Lợi nhuận chưa phân phối	421		305.439.520.938	209.743.513.798
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		160.266.464.121	13.152.652.380
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		145.173.056.817	196.590.861.418
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8.001.684.092	8.372.111.024
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.027.959.283.875	5.972.987.792.017

Ngày 25 tháng 2 năm 2017

Người lập:



Đỗ Thị Thùy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Minh Tín
Kế toán trưởng



Trần Quốc Thảo
Phó Tổng Giám đốc
thường trực

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	35	2.508.338.470.900	2.061.481.941.848
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	35	13.353.270.008	8.982.844.730
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	35	2.494.985.200.892	2.052.499.097.118
Giá vốn hàng bán	11	36	2.169.081.792.543	1.797.931.973.446
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		325.903.408.349	254.567.123.672
Doanh thu hoạt động tài chính	21	37	109.358.822.879	26.853.437.906
Chi phí tài chính	22	38	99.964.835.633	37.443.181.399
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>92.471.331.150</i>	<i>33.977.597.759</i>
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	24	19	11.391.082.907	76.266.905
Chi phí bán hàng	25	39	90.429.605.464	46.044.237.609
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	40	87.900.378.453	67.171.310.832
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		168.358.494.585	130.838.098.643
Thu nhập khác	31	41	3.662.170.828	6.701.677.261
Chi phí khác	32		4.011.329.883	2.773.236.649
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(349.159.055)	3.928.440.612
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		168.009.335.530	134.766.539.255
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	43	23.600.365.528	27.555.649.332
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	43	(764.086.815)	4.567.079.332
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		145.173.056.817	102.643.810.591

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		145.173.056.817	102.643.810.591
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		144.760.285.198	102.628.898.599
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		412.771.619	14.911.992
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	44	1.024	1.179

Ngày 25 tháng 2 năm 2017

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Minh Tín
Kế toán trưởng



Trần Quốc Thảo
Phó Tổng Giám đốc
thường trực

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	Từ 1/7/2016	Từ 1/7/2015
	số	minh	đến 31/12/2016	đến 31/12/2015
			VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		168.009.335.530	134.766.539.255
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		81.913.771.612	33.740.499.951
Các khoản dự phòng	03		(116.981.541)	(4.426.357.494)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		574.833.831	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(138.266.568)	(5.655.307.577)
Thu nhập tiền lãi	05		(37.001.260.102)	(23.196.155.946)
Phần lãi trong các công ty liên kết	05		(11.391.082.907)	(76.266.905)
Thu nhập cổ tức	05		(423.418.000)	(627.704.000)
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	05		(58.653.221.966)	-
Lãi từ thanh lý công ty con	05		(7.727.118.628)	-
Thu nhập tài chính từ hợp nhất kinh doanh	05		-	(2.169.648.650)
Chi phí lãi vay	06		92.471.331.150	33.977.597.759
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		227.517.922.411	166.333.196.393
Biến động các khoản phải thu	09		(123.740.709.924)	(73.369.692.374)
Biến động hàng tồn kho	10		461.179.475.013	100.304.344.251
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(233.512.372.625)	344.874.031.227
Biến động chi phí trả trước	12		(147.712.099.196)	(30.141.963.265)
			183.732.215.679	507.999.916.232
Tiền lãi vay đã trả	14		(91.711.136.335)	(31.368.088.333)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(22.362.473.806)	(33.845.308.497)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.788.012.630)	(9.474.689.836)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		59.870.592.908	433.311.829.566

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(357.853.021.584)	(170.287.951.971)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	6.948.442.155	91.933.136.791
Tiền chi cho các đơn vị khác vay và tiền gửi có kỳ hạn	23	(434.000.000.000)	(652.346.940.000)
Tiền thu từ cho các đơn vị khác vay và tiền gửi có kỳ hạn	24	395.850.000.000	317.793.880.000
Tiền chi đầu tư góp vốn dài hạn vào các đơn vị khác	25	(128.041.952.800)	(7.198.106.000)
Mua các công ty con, trừ đi số dư tiền của công ty con được mua		-	(8.861.363.765)
Tiền thu thuần từ thanh lý khoản đầu tư vào một công ty con		21.631.953.809	-
Tiền thu từ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	114.218.310.000	-
Tiền thu lãi và cổ tức	27	43.515.363.055	23.696.067.987
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(337.730.905.365)	(405.271.276.958)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	Từ 1/7/2016	Từ 1/7/2015
	số	minh	đến 31/12/2016	đến 31/12/2015
			VND	VND
LIU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi cho chi phí phát hành cổ phiếu	32		-	(41.000.000)
Tiền thu từ đi vay	33		3.122.206.523.494	1.978.619.905.902
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.003.576.858.785)	(1.819.421.215.673)
Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		(8.782.952.938)	-
Tiền trả cổ tức	36		(466.505.600)	(61.333.648.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		109.380.206.171	97.824.041.429
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(168.480.106.286)	125.864.594.037
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		519.674.944.557	39.259.307.816
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		31.319.615	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	351.226.157.886	165.123.901.853

Ngày 25 tháng 2 năm 2017

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Minh Tín
Kế toán trưởng



Trần Quốc Thảo
Phó Tổng Giám đốc
thường trực

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 79/UBCK-GPNY do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 11 năm 2006 và được chính thức giao dịch vào ngày 20 tháng 12 năm 2006.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất đường; trồng mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp; và tư vấn kỹ thuật và quản lý trong ngành sản xuất mía đường.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. Các chi nhánh, văn phòng đại diện và nhà máy khác trực thuộc Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm:

- Nhà máy Đường TTC Biên Hòa – Tây Ninh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-001 cấp lần đầu ngày 13 tháng 6 năm 2001, thay đổi lần thứ 13 ngày 20 tháng 9 năm 2016, đặt tại số 561A, Đường Trần Phú, Ấp Tân Phước, Xã Tân Bình, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
- Nhà máy Đường TTC Biên Hòa – Trị An được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-009 cấp lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 7 ngày 21 tháng 9 năm 2016, đặt tại Ấp 1, Xã Trị An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh Nông trường Biên Hòa – Thành Long được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-011 cấp ngày 26 tháng 4 năm 2014, tại Ấp Thanh Đông, Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- Văn phòng đại diện của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được thành lập theo Giấy Chứng nhận văn phòng đại diện số 3600495818-012 ngày 8 tháng 9 năm 2014 tại số 62, đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Nhóm Công ty có 7 công ty con và 2 công ty liên kết (1/7/2016: 8 công ty con và 2 công ty liên kết), như sau:

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			31/12/2016	1/7/2016
<i>Các công ty con</i>				
Công ty TNHH Hải Vi (“Hải Vi”) (vi)	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900244283 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23 tháng 5 năm 1997.	1%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Biên Hòa – Thành Long (“Biên Hòa – Thành Long”) (i)	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900854955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 8 tháng 12 năm 2009.	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa (“NHS”) (trước đây là Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa) (ii)	Sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4200636590 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 20 tháng 11 năm 2015.	100%	100%
Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung (“Bò giống Miền Trung”) (ii)	Chăn nuôi bò; trồng mía và các loại cây công nghiệp khác; kinh doanh thức ăn gia súc; gia công gỗ và các hoạt động lâm nghiệp; trồng rừng.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3703000180 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 21 tháng 12 năm 2005.	90,1%	66,97%

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			31/12/2016	1/7/2016
Công ty TNHH Một thành viên Nhiệt điện Ninh Hòa (“Nhiệt điện Ninh Hòa”) (ii) (v)	Sản xuất điện; cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4201575358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 9 tháng 10 năm 2013.	100%	100%
Ninh Hoa Sugar Private Limited Company (“NHS PTE”) (ii)	Kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía và các sản phẩm nông sản khác.	Giấy Chứng nhận Đầu tư Nước ngoài số 734/BKHĐT-ĐTRNN ngày 12 tháng 8 năm 2014 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.	100%	100%
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang (trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”) (iii)	Sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4303000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 21 tháng 8 năm 2015.	94,51%	94,51%
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa (“Thương mại Biên Hòa”) (iv)	Kinh doanh đường và các sản phẩm có sử dụng đường làm nguyên liệu, kinh doanh các loại thực phẩm và đồ uống.	Giấy phép Kinh doanh số 0313733213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 4 năm 2016.	98%	98%
<i>Các công ty liên kết</i>				
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công (“Mía đường Thành Thành Công”) (ii)	Nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía đường.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013.	38,00%	38,00%

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			31/12/2016	1/7/2016
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh (“Mía đường Tây Ninh”)	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh đường, sản và cao su.	Giấy phép Kinh doanh số 3900243272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23 tháng 5 năm 2007.	43,20%	26,49%

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Biên Hòa – Thành Long và công ty này vẫn đang trong giai đoạn trước hoạt động.
- (ii) Theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông ngày 27 tháng 6 năm 2014, các Cổ đông đã phê duyệt cho Công ty mua thêm 99,34% cổ phần của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“NHS”) bằng cách phát hành thêm cổ phiếu của Công ty cho cổ đông hiện hữu của NHS với tỷ lệ hoán đổi là 1:1. Vào ngày 9 tháng 7 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phát hành thêm 60.349.080 cổ phiếu cho việc mua lại trên và việc mua lại đã hoàn thành vào ngày 31 tháng 10 năm 2015. Sau khi Công ty sở hữu 100% cổ phiếu của NHS, NHS đã đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, NHS có các công ty con sau:

Công ty	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2016
Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung	90,1%
Công ty TNHH Một thành viên Nhiệt điện Ninh Hòa	100%
Ninh Hoa Sugar Private Limited Company	100%

Ngoài ra, do kết quả của việc mua lại này, lợi ích kinh tế của Nhóm Công ty trong Mía đường Thành Thành Công tăng từ 24% lên 38% từ ngày 31 tháng 10 năm 2015. Phần tăng thêm này tương ứng với tỷ lệ lợi ích của NHS trong Mía đường Thành Thành Công tại ngày 31 tháng 10 năm 2015.

- (iii) Theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông ngày 26 tháng 10 năm 2015, Cổ đông đã phê duyệt cho Công ty mua lại 87,54% cổ phần của Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang bằng tiền là 78.781 triệu VND. Việc mua lại này đã hoàn thành vào ngày 31 tháng 10 năm 2015.
- (iv) Công ty đã góp 117.600 triệu VND tương đương 98% lợi ích vốn chủ sở hữu vào Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa vào ngày 31 tháng 5 năm 2016.
- (v) Ngày 9 tháng 5 năm 2016, Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Một thành viên Biên Hòa – Ninh Hòa quyết định thanh lý 49% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Nhiệt điện Ninh Hòa. Tại ngày lập báo cáo này, việc thanh lý chưa được hoàn tất.
- (vi) Trong kỳ, Công ty đã thanh lý 99% lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty tại Hải Vi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Nhóm Công ty có 2.227 nhân viên (1/7/2016: 1.872 nhân viên).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Nhóm Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Nhóm Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác mà Nhóm Công ty không thực hiện việc kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Nhóm Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Các khoản trả trước cho người bán

Trong các khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Chính sách kế toán cho dự phòng các khoản phải thu quá hạn của Nhóm Công ty được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Nhóm Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(h).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của quyền sử dụng đất từ 19 năm đến 20 năm.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Chi phí phát triển

Chi phí cho các hoạt động phát triển mà thông qua các hoạt động này các kết quả nghiên cứu được áp dụng vào việc lập kế hoạch hoặc thiết kế các quy trình sản xuất và sản xuất các sản phẩm mới hoặc được cải tiến đáng kể, sẽ được vốn hóa nếu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất đó khả thi về mặt kỹ thuật và thương mại và Nhóm Công ty có đủ nguồn lực để hoàn tất việc triển khai. Các chi phí phát triển được vốn hóa bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và một phần chi phí chung được phân bổ thích hợp. Các chi phí phát triển khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ như là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh. Chi phí phát triển đã vốn hóa được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong đó khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 năm đến 15 năm.

(iii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 20 năm
- nhà cửa 20 năm

(l) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Nhóm Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 6 năm đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(n) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

(o) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(p) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Trái phiếu thường phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(r) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được phân bổ theo nghị quyết của các cổ đông tại các đại hội cổ đông hàng năm. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

(s) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(t) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo nghị quyết của các cổ đông tại các đại hội cổ đông hàng năm.

(u) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu bán điện

Doanh thu được ghi nhận căn cứ vào số lượng điện đã cung cấp và giá bán thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(w) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(x) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(y) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm năng.

(z) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(aa) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh, đó là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/7/2016
	VND	VND
Tiền mặt	707.721.475	672.093.351
Tiền gửi ngân hàng	247.518.436.411	436.402.851.206
Các khoản tương đương tiền	103.000.000.000	82.600.000.000
	<hr/>	<hr/>
	351.226.157.886	519.674.944.557

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tiền gửi ngân hàng với giá trị ghi sổ là 2 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (1/7/2016: 2 tỷ VND).

6. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2016	1/7/2016
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	195.000.000.000	131.000.000.000
	<hr/>	<hr/>

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,8% đến 6,8% một năm (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2015: 5,75%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn với giá trị ghi sổ là 194 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (1/7/2016: 131 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2016	1/7/2016
	VND	VND
Global Mind Commodities Trading Pte Ltd	170.821.115.200	4.561.786.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	11.198.760.296	8.534.465.784
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	149.968.191.747	6.006.658
Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	51.368.912.700	61.562.172.000
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	50.988.085.711	174.154.194.588
Các khách hàng khác	224.878.460.526	283.695.457.764
	659.223.526.180	532.514.083.594

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2016	1/7/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	659.223.526.180	532.514.083.594

(c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2016	1/7/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	149.968.191.747	6.006.658
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	50.988.085.711	174.154.194.588
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	11.198.760.296	8.534.465.784
Công ty Cổ phần Lộc Thỏ	1.974.696.084	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	805.420.974	-
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	42.690.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	7.146.000	26.620.550

Phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 15 ngày đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 501 tỷ VND (1/7/2016: 491 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Trả trước cho người bán

(a) Trả trước cho người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
Trả trước cho nông dân trồng mía	363.911.248.940	251.132.103.444
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	126.824.800.000	-
Các nhà cung cấp khác	136.956.200.560	269.482.320.059
	<hr/> 627.692.249.500	<hr/> 520.614.423.503

(b) Trả trước cho người bán phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
Ngắn hạn	590.288.875.082	500.867.125.679
Dài hạn	37.403.374.418	19.747.297.824
	<hr/> 627.692.249.500	<hr/> 520.614.423.503

(c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	126.824.800.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	63.172.415.745	11.509.412.465
Công ty TNHH Hải Vi	9.327.707.486	-
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	1.214.000.000	-
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	940.019.470	112.668.750
	<hr/> 940.019.470	<hr/> 112.668.750

Khoản trả trước cho các bên liên quan không được bảo đảm và hưởng lãi theo lãi suất từ 7,5% đến 9,0% một năm (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2015: từ 7,5% đến 8,5%).

Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bằng quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi theo lãi suất tháng là từ 0,8% đến 0,9% trong kỳ (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2015: 0,8% mỗi tháng). Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được thu hồi trong thời hạn từ 1 năm đến 4 năm kể từ ngày giải ngân.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã cần trừ 77.848 triệu VND khoản trả trước cho và lãi phải thu từ nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2015: 64.289 tỷ VND).

9. Phải thu về cho vay

	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
Phải thu về cho vay từ các bên liên quan:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	487.350.000.000	317.500.000.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	-	69.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	-	80.000.000.000
Phải thu về cho vay từ các bên thứ ba:		
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	2.000.000.000	48.000.000.000
Khác	100.000.000	800.000.000
	<hr/> 564.450.000.000	<hr/> 590.300.000.000
Ngắn hạn	447.450.000.000	425.300.000.000
Dài hạn	117.000.000.000	165.000.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Phải thu về cho vay hưởng lãi theo lãi suất dao động từ 8,5% đến 9,5% một năm (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2015: từ 8,5% đến 9,0%). Các khoản phải thu về cho vay này không được đảm bảo.

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
Đặt cọc ngắn hạn (*)	328.703.833.738	43.442.229.250
Tạm ứng cho người lao động	19.718.366.406	14.008.153.506
Phải thu lãi từ nông dân trồng mía	2.694.015.375	8.784.700.328
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	-	101.430.000.000
Phải thu khác	30.835.761.479	14.605.229.531
	<hr/> 381.951.976.998	<hr/> 182.270.312.615
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(*) Khoản này chủ yếu bao gồm các khoản đặt cọc để thuê đất trồng mía tại Thành Long, tỉnh Tây Ninh.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2016			Số ngày quá hạn	1/7/2016			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND		Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nợ quá hạn từ trả trước cho nông dân trồng mía								
Nguyễn Minh Đạt	1.732	3.873.149.384	(3.873.149.384)	-	1.548	4.753.149.384	(4.753.149.384)	-
Nguyễn Văn Bình	1.368	3.749.281.161	(3.749.281.161)	-	1.184	3.749.281.161	(3.749.281.161)	-
Võ Thành Vinh	645	2.151.523.720	(1.075.761.860)	1.075.761.860	461	2.222.892.349	(1.111.446.175)	1.111.446.174
Lê Văn Hùng	1.367	1.072.151.037	(1.072.151.037)	-	1.183	1.072.151.037	(1.072.151.037)	-
Khác		10.676.252.069	(7.013.910.188)	3.662.341.881		7.644.036.827	(6.215.207.414)	1.428.829.413
		<u>21.522.357.371</u>	<u>(16.784.253.630)</u>	<u>4.738.103.741</u>		<u>19.441.510.758</u>	<u>(16.901.235.171)</u>	<u>2.540.275.587</u>
Nợ quá hạn từ phải thu của khách hàng								
Công ty TNHH Phước Thịnh	1.857	999.809.072	(999.809.072)	-	1.673	999.809.072	(999.809.072)	-
Xí nghiệp Sản xuất Gia công								
Bao đay Đại Thắng	5.117	315.035.552	(315.035.552)	-	4.933	315.035.552	(315.035.552)	-
Khác		123.899.227	(123.899.227)	-		123.899.227	(123.899.227)	-
		<u>1.438.743.851</u>	<u>(1.438.743.851)</u>	<u>-</u>		<u>1.438.743.851</u>	<u>(1.438.743.851)</u>	<u>-</u>
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(18.222.997.481)</u>				<u>(18.339.979.022)</u>	

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
Hàng mua đang đi đường	96.127.080.500	52.256.152
Nguyên vật liệu	474.857.908.812	422.884.188.304
Công cụ và dụng cụ	15.931.768.857	17.232.294.991
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	102.968.823.255	63.251.848.847
Thành phẩm	238.403.681.735	871.805.731.516
Hàng hóa	17.903.779.611	26.167.258.588
Hàng gửi đi bán	-	10.851.319.367
	946.193.042.770	1.412.244.897.765

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 701 tỷ VND (1/7/2016: 989 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty.

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
Chi phí trả trước cho mùa vụ sản xuất tiếp theo	84.054.872.175	21.047.003.529
Chi phí bảo trì tài sản cố định	34.384.713.141	3.540.076.234
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	35.850.386.659	4.035.818.259
	154.289.971.975	28.622.898.022

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	134.460.707.899	13.359.322.116	147.820.030.015
Tăng trong kỳ	3.727.246.962	8.604.598.331	12.331.845.293
Phân bổ trong kỳ	(2.436.766.531)	(8.244.284.297)	(10.681.050.828)
Số dư cuối kỳ	135.751.188.330	13.719.636.150	149.470.824.480

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 126 tỷ VND (1/7/2016: 128 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	315.707.205.576	1.466.785.800.307	51.336.336.549	17.185.895.573	1.851.015.238.005
Tăng trong kỳ	33.100.000	31.261.943.027	1.354.127.273	268.887.690	32.918.057.990
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.164.767.563	18.564.472.580	829.342.560	609.531.728	21.168.114.431
Phân loại lại	(1.108.482.470)	543.442.339	-	1.239.620.982	674.580.851
Thanh lý	-	(5.197.037.442)	(3.590.467.930)	-	(8.787.505.372)
Giảm từ thanh lý công ty con	(814.116.029)	(555.550.266)	-	-	(1.369.666.295)
Số dư cuối kỳ	314.982.474.640	1.511.403.070.545	49.929.338.452	19.303.935.973	1.895.618.819.610
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	107.494.280.419	434.995.771.355	16.624.521.787	7.088.231.261	566.202.804.822
Khấu hao trong kỳ	9.253.165.290	60.533.025.428	3.212.234.963	1.189.965.690	74.188.391.371
Phân loại lại	(73.898.832)	30.672.421	-	181.828.990	138.602.579
Thanh lý	-	(600.983.749)	(1.376.346.036)	-	(1.977.329.785)
Giảm từ thanh lý công ty con	(565.571.188)	(555.550.266)	-	-	(1.121.121.454)
Số dư cuối kỳ	116.107.975.689	494.402.935.189	18.460.410.714	8.460.025.941	637.431.347.533
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	208.212.925.157	1.031.790.028.952	34.711.814.762	10.097.664.312	1.284.812.433.183
Số dư cuối kỳ	198.874.498.951	1.017.000.135.356	31.468.927.738	10.843.910.032	1.258.187.472.077

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 214.785 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/7/2016: 186.648 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 785 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (1/7/2016: 869 tỷ VND).

15. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	65.806.692.123
Tăng trong kỳ	3.488.498.608
	69.295.190.731
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	2.114.382.345
Khấu hao trong kỳ	2.100.970.684
	4.215.353.029
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	63.692.309.778
Số dư cuối kỳ	65.079.837.702

Nhóm Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính. Đến cuối thời hạn thuê, Nhóm Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 27).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí phát triển VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	27.648.065.199	3.544.271.167	3.165.421.399	34.357.757.765
Tăng trong kỳ	6.691.520.232	-	-	6.691.520.232
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.495.518.000	-	-	1.495.518.000
Phân loại lại	-	-	(1.239.620.982)	(1.239.620.982)
Giảm từ thanh lý công ty con	(1.167.385.487)	(717.654.125)	-	(1.885.039.612)
Số dư cuối kỳ	34.667.717.944	2.826.617.042	1.925.800.417	39.420.135.403
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	9.960.597.665	3.228.615.108	1.223.574.483	14.412.787.256
Khấu hao trong kỳ	607.536.618	22.669.554	316.476.431	946.682.603
Phân loại lại	-	-	(181.828.980)	(181.828.980)
Giảm từ thanh lý công ty con	(1.167.385.487)	(504.845.636)	-	(1.672.231.123)
Số dư cuối kỳ	9.400.748.796	2.746.439.026	1.358.221.934	13.505.409.756
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	17.687.467.534	315.656.059	1.941.846.916	19.944.970.509
Số dư cuối kỳ	25.266.969.148	80.178.016	567.578.483	25.914.725.647

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 10.233 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/7/2016: 9.752 triệu VND).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	17.560.643.130	42.533.352.370	60.093.995.500
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	292.677.386	708.889.206	1.001.566.592
Khấu hao trong kỳ	439.016.078	1.063.333.810	1.502.349.888
Số dư cuối kỳ	731.693.464	1.772.223.016	2.503.916.480
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	17.267.965.744	41.824.463.164	59.092.428.908
Số dư cuối kỳ	16.828.949.666	40.761.129.354	57.590.079.020

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, bất động sản đầu tư với giá trị còn lại là 58 tỷ VND (1/7/2016: 59 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty.

18. Xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ	120.567.157.794	129.151.868.730
Mua các công ty con	-	159.671.420.226
Tăng trong kỳ	69.780.135.302	160.560.663.912
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(21.168.114.431)	(45.443.465.810)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.495.518.000)	(1.762.423.500)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	(5.335.745.620)
Chuyển sang chi phí trả trước	-	(10.898.160.488)
Số dư cuối kỳ	167.683.660.665	385.944.157.450

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016	1/7/2016
	VND	VND
Dự án sản xuất mía đường đặt tại Campuchia (*)	39.682.376.555	39.682.376.555
Dự án sản xuất mía đường đặt tại sông Vàm Cỏ (**)	23.512.406.107	23.512.406.107
Xây dựng cơ bản dở dang tại Trụ sở chính	18.149.763.681	14.293.455.545
Xây dựng cơ bản dở dang tại Nông trường Thành Long	20.600.165.054	19.611.420.423
Xây dựng cơ bản dở dang tại Nhà máy Trị An	4.237.627.743	8.845.623.334
Xây dựng cơ bản dở dang tại Ninh Hòa và Phan Rang	49.539.529.064	7.807.357.706
Xây dựng cơ bản dở dang tại Nhà máy Tây Ninh	857.358.157	829.342.560
Xây dựng cơ bản dở dang khác	11.104.434.304	5.985.175.564
	167.683.660.665	120.567.157.794

(*) Ngày 16 tháng 6 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng với Brightway Group Co., Ltd để chuyển nhượng dự án này với giá trị chuyển nhượng là 2.026.740 USD và bên mua đã ứng trước 1.621.392 USD cho Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các thủ tục và tài liệu liên quan đến việc bán dự án này chưa được hoàn thành do có sự thay đổi trong các luật và quy định của Campuchia, do đó xây dựng cơ bản dở dang chưa được ghi giảm trên các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(**) Công ty đang trong quá trình tìm kiếm nhà đầu tư mới để chuyển nhượng dự án này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 18 tỷ (1/7/2016: 19 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty.

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 68 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2015: 312 triệu VND).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2016					1/7/2016				
	Số lượng	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào các công ty liên kết:										
▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	1.140.000	38,00%	10.752.229.734	-	(*)	1.140.000	38,00%	11.306.092.064	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	12.703.166	43,20%	176.842.802.292	-	(*)	7.789.310	26,49%	84.802.004.255	-	(*)
			187.595.032.026	-				96.108.096.319	-	
Đầu tư tài chính dài hạn khác vào các đơn vị khác:										
▪ Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	1.778.355	13,08%	17.360.136.000	-	(*)	1.185.570	13,08%	11.432.286.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	10.895.238	4,30%	125.714.280.700	-	266.933.321.200	12.234.472	6,59%	181.279.368.734	-	381.715.526.400
▪ Công ty TNHH Hải Vi		1,00%	220.000.000	-	(*)		-	-	-	
			143.294.416.700	-				192.711.654.734	-	
Đầu tư tài chính dài hạn khác:										
Tiền gửi có kỳ hạn			40.000.000.000	-				-	-	
			370.889.448.726	-				288.819.751.053	-	

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(*) Không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày báo cáo.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết được xác định bằng cách tham khảo giá thị trường trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh tại ngày báo cáo.

Biến động các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ	96.108.096.319	7.133.049.000
Mua các công ty con	-	4.200.000.000
Tăng trong kỳ	80.095.852.800	-
Biến động giá trị tài sản thuần thuộc về Nhóm Công ty	-	(55.817.629)
Phần lãi trong các công ty liên kết	11.391.082.907	76.266.905
Số dư cuối kỳ	187.595.032.026	11.353.498.276

Biến động các khoản đầu tư vốn dài hạn vào đơn vị khác trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ	192.711.654.734	77.704.479.384
Mua các công ty con	-	283.939.586.400
Tăng trong kỳ	6.147.850.000	7.198.106.000
Chuyển sang đầu tư vào công ty con	-	(10.441.927.350)
Thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dài hạn	-	(49.000.000.000)
Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư	-	(5.866.665.700)
Thanh lý khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (**)	(55.565.088.034)	-
Số dư cuối kỳ	143.294.416.700	303.533.578.734

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(**) Trong kỳ, Nhóm Công ty đã thanh lý 2,08% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh. Giao dịch thanh lý được tóm tắt như sau:

	VND
Giá bán	114.218.310.000
Giá vốn khoản đầu tư tại ngày thanh lý	(55.565.088.034)
	58.653.221.966

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ	-	12.124.335.245
Tăng trong kỳ	-	5.547.723.589
Hoàn nhập trong kỳ	-	(10.922.058.834)
		6.750.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, một phần của khoản đầu tư tài chính dài hạn vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh với giá trị ghi sổ là 115 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (1/7/2016: 165 tỷ VND).

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2016		1/7/2016	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND
Chi phí phải trả và dự phòng	1.928.703.378	-	1.928.703.378	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	3.396.898.347	-	2.632.811.532	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(3.352.380.800)	-	(3.352.380.800)
Tổng tài sản thuế hoãn lại/(thuế hoãn lại phải trả)	5.325.601.725	(3.352.380.800)	4.561.514.910	(3.352.380.800)

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	62.176.075.966
Giảm từ thanh lý công ty con	(21.813.192.278)
	40.362.883.688
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	16.995.954.960
Phân bổ trong kỳ	3.175.377.066
Giảm từ thanh lý công ty con	(14.087.686.681)
	6.083.645.345
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu kỳ	45.180.121.006
Số dư cuối kỳ	34.279.238.343

22. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2016	1/7/2016
	Giá gốc/Số có	Giá gốc/Số có
	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ
	VND	VND
Global Mind Commodities Trading Pte Ltd	96.127.080.500	-
Các nhà cung cấp khác	107.919.680.998	375.919.715.308
	204.046.761.498	375.919.715.308

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2016	1/7/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	204.046.761.498	375.919.715.308

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2016	1/7/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	2.375.626.312	2.469.160.491
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	1.330.265.418	1.703.896.800
Công ty TNHH Hải Vi	784.511.333	-
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	239.543.697	220.671.267.055
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	171.380.000	2.472.649.840
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	95.127.586	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	-	133.070.769
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	-	10.000.000

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

(d) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Không có khoản nợ quá hạn chưa thanh toán nào tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 7 năm 2016.

23. Người mua trả tiền trước

Trong khoản người mua trả tiền trước có khoản trả trước từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2016	1/7/2016
	VND	VND
Trả trước từ các bên liên quan	20.744.652.127	5.603.955.912

Khoản trả trước từ các bên liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Thuế phải thu và phải nộp Ngân sách Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/7/2016 VND	Thanh lý công ty con VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/Cấn trừ/ Phân loại lại VND	31/12/2016 VND
Thuế					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.291.140.705	-	23.600.365.528	(22.343.668.313)	13.547.837.920
Thuế giá trị gia tăng	1.755.497.642	-	138.652.857.445	(124.575.494.445)	15.832.860.642
Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu	-	-	18.701.492.064	(18.701.492.064)	-
Thuế tiêu thu đặc biệt	-	-	1.417.742	(1.417.742)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	20.379.214.299	(20.379.214.299)	-
Thuế thu nhập cá nhân	130.549.822	-	3.085.595.899	(2.872.835.067)	343.310.654
Các loại thuế khác	5.284.312	(47.943.354)	1.913.434.488	(1.855.200.290)	15.575.156
	14.182.472.481	(47.943.354)	206.334.377.465	(190.729.322.220)	29.739.584.372

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/7/2016 VND	Thanh lý công ty con VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã được hoàn lại/Phân loại lại VND	31/12/2016 VND
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại					
Các loại thuế khác	1.295.980.948	(684.021.000)	175.905.481	(257.213.432)	530.651.997

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	1/7/2016
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ nông dân trồng mía	10.366.861.811	18.810.928.781
Chi phí lãi vay	8.606.048.929	7.778.194.519
Chi phí hỗ trợ bán hàng	12.911.176.624	6.443.055.152
Chi phí vận chuyển	15.698.554.187	1.224.310.226
Lương tháng 13	5.449.651.379	-
Chi phí khác	10.325.229.403	9.057.179.083
	63.357.522.333	43.313.667.761

26. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/7/2016
	VND	VND
Phải trả cho Brightway Group Co., Ltd (*)	33.172.706.250	33.172.706.250
Chi phí tiền lương và công tác phí cho nhân viên bán hàng	5.709.316.069	2.112.986.157
Cổ tức phải trả	4.609.023.300	4.630.795.700
Phí thu hoạch vụ mùa và phí vận chuyển ký quỹ phải trả cho nông dân trồng mía	4.155.168.903	326.439.185
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	2.542.246.107	1.395.961.625
Phải trả cho nông dân trồng mía	12.547.870	5.988.942.248
Tạm ứng từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa	-	20.000.000.000
Khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	-	3.917.392.948
Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	6.450.175.000
Các khoản phải trả khác	14.716.436.690	5.928.242.396
	64.917.445.189	83.923.641.509

(*) Khoản phải trả cho Brightway Group Co., Ltd thể hiện khoản trả trước của Brightway Group Co., Ltd để chuyển nhượng dự án sản xuất mía đường đặt tại Campuchia (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/7/2016		Tăng VND	Giảm VND	31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND			Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	2.330.822.426.279	2.330.822.426.279	3.002.595.518.868	(2.874.762.496.405)	2.458.655.448.742	2.458.655.448.742
Vay dài hạn đến hạn trả	81.380.719.333	81.380.719.333	50.553.110.003	(43.942.061.264)	87.991.768.072	87.991.768.072
Trái phiếu thường đến hạn trả	100.000.000.000	100.000.000.000	3.800.000.000	(3.800.000.000)	100.000.000.000	100.000.000.000
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả	12.481.232.654	12.481.232.654	18.829.176.468	(7.890.959.454)	23.419.449.668	23.419.449.668
	2.524.684.378.266	2.524.684.378.266	3.075.777.805.339	(2.930.395.517.123)	2.670.066.666.482	2.670.066.666.482

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
▪ Khoản vay 1 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	VND	456.039.824.491	644.946.400.045
▪ Khoản vay 2 từ Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	VND	7.921.576.083	32.618.212.959
▪ Khoản vay 3 từ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (c)	VND	218.661.383.512	160.834.936.032
▪ Khoản vay 4 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (d)	VND	113.538.000.131	99.448.669.652
▪ Khoản vay 5 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh (e)	VND	268.863.890.875	279.698.206.982
▪ Khoản vay 6 từ Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa (f)	VND	56.324.625.085	51.596.232.568
▪ Khoản vay 7 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (g)	VND	144.938.762.001	141.184.013.449
▪ Khoản vay 8 từ Ngân hàng Malayan Banking Berhard – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (h)	VND	6.000.000.000	54.689.824.271
▪ Khoản vay 9 từ Ngân hàng Malayan Banking Berhard – Chi nhánh Hà Nội (h)	VND	25.500.000.000	44.955.011.263
▪ Khoản vay 10 từ Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	VND	96.009.712.613	1.051.148.343
▪ Khoản vay 11 từ Ngân hàng The Hongkong and Shanghai Banking Corporation – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (j)	VND	30.000.000.000	42.924.581.254
▪ Khoản vay 12 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa (k)	VND	15.850.310.297	119.917.376.019
▪ Khoản vay 13 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (l)	VND	198.774.279.309	168.791.285.322
▪ Khoản vay 14 từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (m)	VND	204.743.059.143	231.212.205.884
▪ Khoản vay 15 từ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (n)	VND	21.547.898.000	110.000.000.000
▪ Khoản vay 16 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (o)	VND	38.960.309.915	36.439.306.036

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
▪ Khoản vay 17 từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (p)	VND	38.714.876.400	57.715.016.200
▪ Khoản vay 18 từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (q)	VND	137.199.097.871	-
▪ Khoản vay 19 Ngân Hàng SinoPac - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh (r)	VND	39.231.518.510	-
▪ Khoản vay 20 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (s)	VND	97.116.324.506	-
▪ Khoản vay 21 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	USD	5.736.800.000	-
▪ Khoản vay 22 từ Ngân Hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh TPHCM (h)	USD	146.998.400.000	-
▪ Khoản vay 23 từ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam – Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh (t)	USD	82.984.800.000	-
▪ Khoản vay 24 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (u)	VND	7.000.000.000	-
▪ Khoản vay 26 từ Ngân hàng TNHH CTBC	VND	-	32.800.000.000
▪ Khoản vay 27 từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	VND	-	20.000.000.000
		2.458.655.448.742	2.330.822.426.279

Các khoản vay bằng VND và USD chịu lãi suất năm lần lượt là từ 5,1% đến 8,2% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2015: từ 5,1% đến 6,3%) và 2,5% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2015: 2,5%) trong kỳ.

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 800 tỷ VND (1/7/2016: 800 tỷ VND). Khoản vay này, cùng với khoản vay 2, khoản vay 3, khoản vay 4 (Thuyết minh 27(b)(i)), được bảo đảm bằng nhà cửa và vật kiến trúc với giá trị còn lại là 37 tỷ VND, máy móc thiết bị với giá trị còn lại là 171 tỷ VND và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 18 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/7/2016: nhà cửa và vật kiến trúc với giá trị còn lại là 69 tỷ VND, máy móc thiết bị với giá trị còn lại là 197 tỷ VND và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 18 tỷ VND).
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 23 tỷ VND hoặc 1 triệu USD (1/7/2016: 45 tỷ VND hoặc 2 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản phải thu của khách hàng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 23 tỷ VND (1/7/2016: 45 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 273 tỷ VND hoặc 12 triệu USD (1/7/2016: 268 tỷ VND hoặc 12 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản phải thu của khách hàng và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 170 tỷ VND mỗi loại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/7/2016: 168 tỷ VND mỗi loại).
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 120 tỷ VND (1/7/2016: 120 tỷ VND). Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 100 tỷ VND (1/7/2016: 100 tỷ VND).
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 400 tỷ VND (1/7/2016: 400 tỷ VND). Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 lần lượt là 85 tỷ VND và 130 tỷ VND (1/7/2016: 130 tỷ VND và 98 tỷ VND).
- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60 tỷ VND (1/7/2016: 60 tỷ VND) và không được đảm bảo.
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150 tỷ VND (1/7/2016: 150 tỷ VND) và không được đảm bảo.
- (h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 179 tỷ VND hoặc 8 triệu USD (1/7/2016: 112 tỷ VND hoặc 5 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản phải thu của khách hàng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 50 tỷ VND (1/7/2016: 50 tỷ VND).
- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 103 tỷ VND hoặc 4,5 triệu USD (1/7/2016: 101 tỷ VND hoặc 4,5 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 103 tỷ VND (1/7/2016: khoản phải thu của khách hàng với giá trị ghi sổ là 101 tỷ VND).
- (j) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 137 tỷ VND hoặc 6 triệu USD (1/7/2016: 134 tỷ VND hoặc 6 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bởi Công ty và khoản phải thu của khách hàng và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 lần lượt là 8 tỷ VND và 5,7 tỷ VND (1/7/2016: khoản phải thu của khách hàng và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ lần lượt là 39 tỷ VND và 88 tỷ VND).
- (k) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150 tỷ VND (1/7/2016: 150 tỷ VND). Khoản vay này được bảo đảm bằng một phần khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 115 tỷ VND (1/7/2016: 109 tỷ VND).
- (l) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200 tỷ VND (1/7/2016: 200 tỷ VND). Khoản vay này được bảo đảm bằng phương tiện vận chuyển với giá trị còn lại là 4,7 tỷ VND và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng này với giá trị là 82 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/7/2016: phương tiện vận chuyển với giá trị còn lại là 7 tỷ VND và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng này với giá trị 82 tỷ VND).
- (m) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 300 tỷ VND (1/7/2016: 300 tỷ VND). Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 39 tỷ VND và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng này với giá trị ghi sổ là 49 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/7/2016: hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 300 tỷ VND và tiền gửi kỳ hạn tại ngân hàng này với giá trị ghi sổ là 49 tỷ VND).
- (n) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 112 tỷ VND hoặc 5 triệu USD (1/7/2016: là 112 tỷ VND hoặc 5 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản phải thu của khách hàng và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ lần lượt là 5,7 tỷ VND và 4,1 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/7/2016: khoản phải thu của khách hàng và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 69 tỷ VND mỗi loại).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (o) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (1/7/2016: 100 tỷ VND). Khoản vay này được Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một bên liên quan bảo lãnh.
- (p) Khoản vay này, cùng với khoản vay 12, khoản vay 13, khoản vay 14 và khoản vay 15 (Thuyết minh 27(b)(i)) có tổng hạn mức tối đa là 117 tỷ VND (1/7/2016: 127 tỷ VND). Các khoản vay này được bảo đảm bởi tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 72,6 tỷ VND và tiền gửi ngân hàng với giá trị ghi sổ là 2 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/7/2016: tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 79 tỷ VND và tiền gửi ngân hàng với giá trị ghi sổ là 2 tỷ VND).
- (q) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 400 tỷ VND. Khoản vay này được bảo đảm bởi hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 150 tỷ VND.
- (r) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 46 tỷ VND hoặc 2 triệu USD và không được đảm bảo.
- (s) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND và không được đảm bảo.
- (t) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 89 tỷ VND hoặc 3,9 triệu USD. Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản phải thu của khách hàng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 136 tỷ VND.
- (u) Khoản vay này, cùng với khoản vay 11 (Thuyết minh 27(b)(i)) có tổng hạn mức tối đa là 22 tỷ VND (1/7/2016: 10 tỷ VND). Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 3 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/7/2016: 4 tỷ VND).

(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
Vay dài hạn (i)	272.576.997.759	282.217.411.305
Trái phiếu thường (ii)	496.643.333.331	500.000.000.000
Nợ thuê tài chính (iii)	63.297.865.703	47.557.863.293
	<hr/>	<hr/>
	832.518.196.793	829.775.274.598
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(211.411.217.740)	(193.861.951.987)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	621.106.979.053	635.913.322.611
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
▪ Khoản vay 1 từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh (a)	VND	2020	6.236.512.800	7.242.998.200
▪ Khoản vay 2 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (b)	VND	2017	2.883.386.602	6.924.386.602
▪ Khoản vay 3 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (c)	VND	2018	4.910.120.640	6.138.120.640
▪ Khoản vay 4 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (d)	VND	2018	3.936.533.310	5.216.121.768
▪ Khoản vay 5 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk (e)	VND	2022	13.305.219.322	14.519.689.322
▪ Khoản vay 6 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk (f)	VND	2023	80.000.000.000	80.000.000.000
▪ Khoản vay 7 từ Ngân hàng Hongkong and Shanghai Banking Corporation – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (g)	VND	2018	65.364.171.498	84.039.649.081
▪ Khoản vay 8 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Khánh Hòa (h)	VND	2021	57.154.000.000	45.900.000.000
▪ Khoản vay 9 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (i)	VND	2020	7.958.105.436	-
Khoản vay 10 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương – Chi nhánh (j)	VND	2019	13.590.360.000	-
▪ Khoản vay 11 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (k)	VND	2018	2.028.718.600	3.028.718.600
▪ Khoản vay 12 từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (l)	VND	2018	8.323.750.000	11.891.500.000
▪ Khoản vay 13 từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (l)	VND	2018	2.387.166.074	3.523.916.074

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
▪ Khoản vay 14 từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (I)	VND	2020	1.917.756.550	2.335.756.550
▪ Khoản vay 15 từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (I)	VND	2020	2.581.196.927	-
▪ Khoản vay 16 từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận	VND	2017	-	418.032.500
▪ Khoản vay 17 từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	2018	-	11.038.521.968
			<hr/>	<hr/>
			272.576.997.759	282.217.411.305
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			(87.991.768.072)	(81.380.719.339)
			<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng			184.585.229.687	200.836.691.966

Các khoản vay chịu lãi theo lãi suất năm từ 3,9% đến 10,0% trong kỳ (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2015; từ 3,9% đến 10,0%).

- Khoản vay này có hạn mức tối đa là 30 tỷ VND (1/7/2016: 30 tỷ VND) và không được đảm bảo.
- Khoản vay này có hạn mức tối đa là 40 tỷ VND và được bảo đảm bằng tài sản chung với khoản vay 1 (Thuyết minh 27(a)), khoản vay 3 và khoản vay 4 (Thuyết minh 27(b)(i)).
- Khoản vay này có hạn mức tối đa là 11 tỷ VND và được bảo đảm bằng tài sản chung với khoản vay 1 (Thuyết minh 27(a)), khoản vay 2 và khoản vay 4 (Thuyết minh 27(b)(i)).
- Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10 tỷ VND và được bảo đảm bằng tài sản chung với khoản vay 1 (Thuyết minh 27(a)), khoản vay 2 và khoản vay 3 (Thuyết minh 27(b)(i)).
- Khoản vay này có hạn mức tối đa là 26 tỷ VND và được bảo đảm bằng máy móc thiết bị với giá trị còn lại là 23 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/7/2016: máy móc với giá trị còn lại là 26 tỷ VND và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 1 tỷ VND).
- Khoản vay này có hạn mức tối đa là 218 tỷ VND (1/7/2016: 218 tỷ VND) và được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất trong chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ 119 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/7/2016: 121 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 273 tỷ VND hoặc 12 triệu USD (1/7/2016: 268 tỷ VND hoặc 12 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bởi quyền sử dụng đất trong chi phí trả trước dài hạn và tài sản trên đất trong tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 lần lượt là 6,9 tỷ VND và 4,2 tỷ VND (1/7/2016: quyền sử dụng đất trong chi phí trả trước dài hạn và tài sản trên đất trong tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ lần lượt là 7 tỷ VND và 5 tỷ VND). Khoản vay này cũng được bảo đảm bằng máy móc và thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 133 tỷ VND (1/7/2016: 146 tỷ VND).
- (h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 120 tỷ VND (1/7/2016: 120 tỷ VND). Khoản vay này được bảo đảm bằng máy móc và thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 140 tỷ VND (1/7/2016: 148 tỷ VND).
- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 13 tỷ VND và được bảo đảm bằng tài sản chung với khoản vay 1 (Thuyết minh 27(a)), khoản vay 2, khoản vay 3 và khoản vay 4 (Thuyết minh 27(b)(i)).
- (j) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 14 tỷ VND và được bảo đảm bằng giá trị tài sản xây dựng trong tương lai từ khoản vay.
- (k) Khoản vay này, cùng với khoản vay 24 (Thuyết minh 27(a)), có tổng hạn mức tối đa là 22 tỷ VND (1/7/2016: 10 tỷ VND) và được bảo đảm bằng tài sản chung với khoản vay 24 (Thuyết minh 27(a)).
- (l) Các khoản vay này, cùng với khoản vay 17 (Thuyết minh 27(a)), có tổng hạn mức tối đa là 117 tỷ VND và được bảo đảm bằng tài sản chung với khoản vay 17 (Thuyết minh 27(a)).

(ii) Trái phiếu thường

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá:					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	VND	Chi phí huy động vốn + 2,75%	2021	496.643.333.331	500.000.000.000
Trái phiếu đáo hạn trong vòng 12 tháng				(100.000.000.000)	(100.000.000.000)
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				396.643.333.331	400.000.000.000

Trái phiếu này được bảo đảm bằng khoản đầu tư tài chính ngắn hạn với giá trị còn lại là 63 tỷ VND, bất động sản đầu tư với giá trị còn lại là 58 tỷ VND, máy móc thiết bị với giá trị còn lại là 196 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/7/2016: bất động sản đầu tư với giá trị còn lại là 59 tỷ VND, máy móc thiết bị với giá trị còn lại là 193 tỷ VND). Ngoài ra, các trái phiếu cũng được bảo đảm bằng khoản đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV Biên Hòa – Ninh Hòa.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Nợ thuê tài chính

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
Nợ phải trả Công Ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu					
Khoản vay 1	VND	10%	2020	30.558.409.294	36.418.926.144
Nợ phải trả Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam					
Khoản vay 1	VND	8,5%	2018	2.986.689.430	3.758.856.191
Khoản vay 2	VND	8,5%	2018	1.343.445.943	7.380.080.958
Khoản vay 3	VND	7,6%	2019	4.778.359.170	-
Khoản vay 4	VND	7,6%	2019	1.664.840.129	-
Khoản vay 5	VND	7,6%	2020	20.845.225.500	-
Khoản vay 6	VND	8,3%	2021	1.120.896.237	-
				63.297.865.703	47.557.863.293

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2016 VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
Trong vòng một năm	28.004.747.712	4.585.298.044	23.419.449.668
Trong vòng hai đến năm năm	44.397.760.347	4.519.344.312	39.878.416.035
	72.402.508.059	9.104.642.356	63.297.865.703

Nợ thuê tài chính được bảo đảm bằng tài sản thuê tài chính (Thuyết minh 15).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ	33.705.618.044	5.995.875.091
Mua các công ty con	-	9.254.700.719
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối	11.382.865.965	15.970.037.049
Phân loại lại từ kinh phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	3.917.392.948	-
Sử dụng trong kỳ	(9.788.012.630)	(9.474.689.836)
Giảm từ thanh lý công ty con	(5.118.100)	-
Số dư cuối kỳ	<u>39.212.746.227</u>	<u>21.745.923.023</u>

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	629.949.180.000	39.817.240.000	144.497.938.660	-	-	99.427.217.215	-	913.691.575.875
Phát hành cổ phiếu	603.490.800.000	421.962.560.000	-	-	-	-	-	1.025.453.360.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	102.628.898.599	14.911.992	102.643.810.591
Cổ tức	-	-	-	-	-	(61.671.999.000)	-	(61.671.999.000)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	9.793.976.457	-	-	(9.793.976.457)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(15.970.037.049)	-	(15.970.037.049)
Trích tiền thưởng vượt kế hoạch	-	-	-	-	-	(1.000.000.000)	-	(1.000.000.000)
Phân loại lại từ kinh phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(2.000.000.000)	-	(2.000.000.000)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua	-	-	-	-	-	-	5.808.567.130	5.808.567.130
Biến động tài sản thuần được chia trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-	(55.817.629)	-	(55.817.629)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.233.439.980.000	461.779.800.000	154.291.915.117	-	-	111.564.285.679	5.823.479.122	1.966.899.459.918

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2016	1.295.111.980.000	461.712.700.000	164.946.980.894	336.806.622	-	209.743.513.798	8.372.111.024	2.140.224.092.338
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	144.760.285.198	412.771.619	145.173.056.817
Cổ tức	-	-	-	-	-	(444.733.200)	-	(444.733.200)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	29.001.627.444	-	7.000.000.000	(36.001.627.444)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 28)	-	-	-	-	-	(11.382.865.965)	-	(11.382.865.965)
Phân loại lại từ kinh phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	6.450.175.000	-	-	6.450.175.000
Ảnh hưởng của việc tăng đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	(1.235.051.449)	(783.198.551)	(2.018.250.000)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	-	270.056.993	-	-	-	270.056.993
Nguồn vốn đã sử dụng	-	(24.750.000)	-	-	(400.000.000)	-	-	(424.750.000)
Kết chuyển thặng dư vốn cổ phần qua quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	(12.165.550.000)	-	-	12.165.550.000	-	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.295.111.980.000	449.522.400.000	193.948.608.338	606.863.615	25.215.725.000	305.439.520.938	8.001.684.092	2.277.846.781.983

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/7/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và phát hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	129.511.198	1.295.111.980.000	129.511.198	1.295.111.980.000
Cổ phiếu lưu hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	129.511.198	1.295.111.980.000	129.511.198	1.295.111.980.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016		Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	129.511.198	1.295.111.980.000	62.994.918	629.949.180.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ để mua lại một công ty con	-	-	60.349.080	603.490.800.000
Số dư cuối kỳ	129.511.198	1.295.111.980.000	123.343.998	1.233.439.980.000

31. Cổ tức

Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 14 tháng 11 năm 2016 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 445 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2015: 61.672 triệu VND).

32. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

33. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân phối từ lợi nhuận mỗi năm dựa trên tỷ lệ phần trăm theo theo nghị quyết của cổ đông.

34. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016	1/7/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.956.130.466	4.507.437.145
Từ hai đến năm năm	17.215.845.791	12.220.846.356
Sau năm năm	58.957.483.303	59.938.106.161
	<hr/>	<hr/>
	81.129.459.560	76.666.389.662
	<hr/>	<hr/>

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2016	1/7/2016
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	366.093.040.709	124.882.484.274
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	50.585.545.728	205.205.820.197
	<hr/>	<hr/>
	416.678.586.437	330.088.304.471
	<hr/>	<hr/>

(c) Tài sản, nguyên vật liệu và hàng hóa nhận giữ hộ các bên thứ ba

	31/12/2016	1/7/2016
	VND	VND
Nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ các bên thứ ba	478.711.853.228	12.380.131.533
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/7/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	345.006	7.838.552.451	610.980	13.647.326.481
EUR	250	5.934.500	250	6.177.750
		7.844.486.951		13.653.504.231

(e) Nợ khó đòi đã xử lý

	Xóa sổ trong năm	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
Phải thu từ khách hàng	Trước 2006	758.295.202	758.295.202
Phải thu từ khách hàng	2006	203.769.039	203.769.039
Phải thu từ khách hàng	2007	1.034.299.060	1.034.299.060
Phải thu từ khách hàng	2008	252.770.900	252.770.900
Phải thu từ nông dân trồng mía	2009	70.095.481	70.095.481
Phải thu từ khách hàng	2011	164.641.794	164.641.794
Phải thu từ nông dân trồng mía	2012	7.709.663.485	7.881.573.485
Phải thu từ khách hàng	2014	46.300.961	46.300.961
Phải thu từ nông dân trồng mía	2016	639.049.500	639.049.500
Phải thu từ khách hàng	2016	87.015.060	87.015.060
		10.965.900.482	11.137.810.482

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	2.506.163.011.611	2.053.782.412.002
▪ Cung cấp dịch vụ	2.175.459.289	7.263.007.346
▪ Bán điện	-	436.522.500
	<hr/> 2.508.338.470.900	<hr/> 2.061.481.941.848
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	13.046.899.282	6.556.796.825
▪ Hàng bán bị trả lại	306.370.726	230.745.429
▪ Giảm giá hàng bán	-	2.195.302.476
	<hr/> 13.353.270.008	<hr/> 8.982.844.730
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/> 2.494.985.200.892	<hr/> <hr/> 2.052.499.097.118

36. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hóa đã bán	2.167.910.788.916	1.793.632.913.508
▪ Dịch vụ đã cung cấp	1.171.003.627	4.236.553.034
▪ Điện đã cung cấp	-	62.506.904
	<hr/> 2.169.081.792.543	<hr/> 1.797.931.973.446

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	4.813.130.913	1.282.131.834
Lãi từ trả trước cho nông dân trồng mía	8.190.552.298	5.507.781.640
Lãi từ trả trước cho người bán và cho các đơn vị khác vay	20.217.081.811	13.632.921.335
Lãi từ tiền thanh toán chậm của khách hàng	3.780.495.080	2.773.321.137
Thu nhập cổ tức	423.418.000	627.704.000
Lãi từ thanh lý đầu tư tại các đơn vị khác	66.185.644.510	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.828.968.044	859.929.310
Lãi từ hợp nhất kinh doanh	-	2.169.648.650
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.919.532.223	-
	109.358.822.879	26.853.437.906

38. Chi phí tài chính

	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí lãi vay	92.471.331.150	33.977.597.759
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	5.547.723.589
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(10.922.058.834)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.896.616.852	8.734.431.056
Chi phí tài chính khác	5.596.887.631	105.487.829
	99.964.835.633	37.443.181.399

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

39. Chi phí bán hàng

	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí nhân viên	37.675.521.621	15.462.603.389
Công cụ và dụng cụ	2.209.212.431	517.686.140
Khấu hao và phân bổ	783.398.516	899.129.516
Chi phí vận chuyển	28.571.087.050	15.336.570.856
Chi phí hỗ trợ bán hàng	20.211.351.618	5.902.391.474
Chi phí khác	979.034.228	7.925.856.234
	90.429.605.464	46.044.237.609

40. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí nhân viên	42.603.730.249	34.102.048.463
Công cụ và dụng cụ	1.445.380.470	1.918.997.412
Văn phòng phẩm	1.434.293.907	774.661.610
Khấu hao và phân bổ	5.552.344.813	2.530.791.115
Thuế và lệ phí	478.173.357	428.014.473
Dự phòng phải thu khó đòi	(313.827.691)	2.570.708.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.163.838.495	4.392.061.968
Lợi thế thương mại	3.175.377.066	5.697.101.505
Chi phí khác	16.361.067.787	14.756.926.206
	87.900.378.453	67.171.310.832

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

41. Thu nhập khác

	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	138.266.568	5.655.307.577
Tiền thu được các khoản nợ phải thu khó đòi đã xóa sổ	162.516.173	319.019.886
Bồi thường nhận được	38.301.293	62.106.215
Thu nhập khác	3.323.086.794	665.243.583
	3.662.170.828	6.701.677.261

42. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.487.283.607.825	1.164.457.593.216
Chi phí nhân công và nhân viên	129.299.138.665	75.916.361.541
Chi phí khấu hao và phân bổ	81.913.771.612	33.740.499.951
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.157.245.283	38.035.997.945
Chi phí khác	49.103.149.245	30.071.224.870

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

43. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	24.510.329.676	25.818.449.602
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những kỳ trước	(909.964.148)	1.737.199.730
	23.600.365.528	27.555.649.332
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(764.086.815)	4.567.079.332
	22.836.278.713	32.122.728.664

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	168.009.335.530	134.766.539.255
	33.601.867.106	29.648.638.636
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(11.411.802.118)	(551.640.485)
Ảnh hưởng thuế suất áp dụng cho cho các công ty con	2.573.531.416	-
Ảnh hưởng thuế suất áp dụng cho cho các thu nhập khác	4.778.854.834	1.538.885.056
Chi phí không được khấu trừ thuế	(5.796.208.377)	(250.354.273)
Thu nhập không chịu thuế	(909.964.148)	1.737.199.730
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những kỳ trước	(909.964.148)	1.737.199.730
	22.836.278.713	32.122.728.664

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, các công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập lần lượt bằng 22% và 20% trên lợi nhuận tính thuế từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2015 và từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Theo các điều khoản của Nghị định 12/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 2 năm 2015, thu nhập từ hoạt động chế biến trong đó tỷ lệ của nguyên vật liệu là nông sản trên tổng chi phí sản xuất bằng hoặc lớn hơn 30% và thành phẩm không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được tính theo thuế suất 10% trên lợi nhuận chịu thuế trong suốt thời gian hoạt động. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

(ii) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, các công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập lần lượt bằng 22% và 20% trên lợi nhuận tính thuế từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2015 và từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Theo các điều khoản của Nghị định 12/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 2 năm 2015, thu nhập từ hoạt động chế biến trong đó tỷ lệ của nguyên vật liệu là nông sản trên tổng chi phí sản xuất bằng hoặc lớn hơn 30% và thành phẩm không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được tính theo thuế suất 10% trên lợi nhuận chịu thuế trong suốt thời gian hoạt động. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

Theo các điều khoản của của Nghị định số 118/2015/ND-CP do Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 11 năm 2015, các doanh nghiệp có thu nhập từ trồng trọt ở địa bàn được liệt kê trong phụ lục II “Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư” được hưởng ưu đãi thuế. Theo đó, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho suốt thời gian hoạt động do công ty này nằm trong địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 12 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 trở đi.

(iii) Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Biên Hòa

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, các công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập 20% trên lợi nhuận tính thuế từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

(iv) Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% cho các hoạt động kinh doanh chính. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22% cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2015 và 20% cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Công ty TNHH Một thành viên Nhiệt điện Ninh Hòa

Theo các quy định hiện hành về thuế, Công ty TNHH Một thành viên Nhiệt điện Ninh Hòa có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% lợi nhuận chịu thuế cho giai đoạn hoạt động của công ty tới năm 2028 và 22% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22% cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2015 và 20% cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

(vi) Ninh Hoa Sugar Private Limited Company

Ninh Hoa Sugar Private Limited Company có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập là 17% lợi nhuận chịu thuế. Các quy định về thuế hiện hành được giảm 75 % thuế thu nhập đối với thu nhập chịu thuế lên đến 10.000 SGD và giảm 50 % thuế thu nhập đối với thu nhập chịu thuế lên đến 290.000 SGD.

44. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông, hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2015, sau khi trừ các khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 129.511.198 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2016: 83.497.071), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	144.760.285.198	102.628.898.599
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(12.121.353.973)	(4.217.265.300)
Lợi nhuận thuần trong kỳ thuộc về cổ đông phổ thông	132.638.931.225	98.411.633.299

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Số cổ phiếu	
	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Cổ phiếu phổ thông phát hành đầu kỳ	129.511.198	62.994.918
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông đã phát hành để mua công ty con trong kỳ	-	20.502.153
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	129.511.198	83.497.071

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng.

45. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động kinh doanh và đầu tư

	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Phát hành cổ phiếu phổ thông của Công ty để mua một công ty con	-	1.025.934.360.000
Trích trước chi phí phát hành cổ phiếu phổ thông	-	440.000.000
Cần trừ tiền mua mía với trả trước cho nông dân trồng mía	28.422.335.535	57.304.171.635
Cần trừ tiền mua mía với lãi phải thu từ nông dân trồng mía	7.455.152.447	5.734.178.675
Chi phí khấu hao vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	1.354.605.348	-
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	21.183.149.157	-
Tặng tài sản cố định chuyển từ khoản trả trước cho người bán	13.045.148.909	-
Nguyên giá của tài sản cố định nhận được thông qua hình thức thuê tài chính	20.729.232.887	-

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

46. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Thanh lý khoản đầu tư vào công ty con

Tại ngày 16 tháng 9 năm 2016, Nhóm Công ty thanh lý 99% lợi ích vốn chủ sở hữu tại công ty con - Công ty TNHH Hải Vi cho một bên liên quan.

Việc thanh lý này có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày thanh lý như sau:

	Tại ngày thanh lý VND
Tiền mặt	342.742.275
Phải thu khách hàng	575.448.663
Hàng tồn kho	4.910.119.150
Tài sản ngắn hạn khác	965.060.130
Tài sản cố định hữu hình – thuần (Thuyết minh 14)	248.544.841
Tài sản cố định vô hình – thuần (Thuyết minh 16)	212.808.489
Lợi thế thương mại – thuần (Thuyết minh 21)	7.725.505.597
Phải trả người bán	(444.590.235)
Phải trả ngắn hạn khác	(288.061.454)
	<hr/>
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được đã thanh lý	14.247.577.456
	<hr/>
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty con	7.727.118.628
	<hr/>
Khoản tiền thu được	21.974.696.084
	<hr/>
Trừ: tiền và các khoản tương đương tiền đã thanh lý	342.742.275
	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền thu thuần từ thanh lý	21.631.953.809
	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trong kỳ, Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	219.346.006.637	123.172.577.446
Mua hàng hóa và dịch vụ	9.102.569.406	7.384.711.765
Cho vay	273.000.000.000	313.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	14.853.499.177	3.633.475.002
Chi phí lãi vay	862.415.313	-
Phân phối cổ tức	-	17.048.494.000
Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	48.214.481.850	135.163.839.574
Mua hàng hóa và dịch vụ	88.508.317.034	342.077.682.772
Phân phối cổ tức	-	10.465.910.000
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	4.714.367.401	-
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	3.549.142.858
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Thuận Thiên		
Bán hàng hóa và dịch vụ	16.530.500	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	9.640.941.573	7.081.367.655
Phân phối cổ tức	-	5.042.686.000
Mua cổ phiếu	-	18.888.889
Thu nhập lãi cho vay	1.041.817.821	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công		
Bán hàng hóa và dịch vụ	334.686.580.530	8.544.336.376
Mua hàng hóa và dịch vụ	130.348.714.449	14.515.089.501
Thu nhập lãi từ trả trước cho người bán	1.475.930.555	2.785.343.532
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công		
Bán hàng hóa và dịch vụ	30.940.695	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	667.572.895	-

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 31/12/2015 VND
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre		
Bán hàng hóa và dịch vụ	7.191.298.413	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.443.379.865	382.450.000
Thu nhập lãi	1.054.166.666	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh		
Mua hàng hóa và dịch vụ	46.187.142.858	-
Công ty TNHH Hải Vi		
Bán hàng hóa và dịch vụ	3.153.072.101	-
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín		
Bán hàng hóa và dịch vụ	3.024.000.000	-
Thu nhập lãi	1.072.500.000	-
Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Thù lao	993.525.000	564.599.461
Tiền lương và thưởng	8.925.420.470	1.955.120.993



Ngày 25 tháng 2 năm 2017

Người lập:

Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Minh Tín
Kế toán trưởng



Trần Quốc Thảo
Phó Tổng Giám đốc
thường trực